

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 609/2021/HC-PT

Ngày: 19 -11-2021

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai xử phạt
vi phạm hành chính và cưỡng chế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Bảo Nguyên

Các Thẩm phán:

1. Ông Đào Hồng Cảnh

2. Ông Nguyễn Hữu Thor

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thái Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Thân
Trọng Minh Phương.- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành
phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số:
05/2021/TLPT-HC ngày 01 tháng 7 năm 2021 về việc “*Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về xử phạt vi phạm hành chính và
cưỡng chế*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 11/2021/HC-ST ngày 19 tháng 5 năm
2021 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3506/2021/QĐ-PT
ngày 08 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 8241/2021/QĐ-
PT ngày 26 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Võ Văn Trí N.

Địa chỉ: ấp 2, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Hồ Minh T, sinh
năm 1974 – Có mặt.

Địa chỉ: Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Văn bản ủy quyền lập ngày 26/5/2020).

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số ấp 4, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Phùng Quốc V. Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Văn bản ủy quyền số 1068/UQ-UBND ngày 03/8/2020) – Có đơn đề nghị vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

Ông Huỳnh Công M- Công chức Địa chính – Xây dựng – Nông nghiệp – Môi trường (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đặng Thị Tuyết H.
2. Bà Võ Đặng Quỳnh T.
3. Trẻ Võ Trí V.

Cùng địa chỉ: Số B5/134 ấp 2, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp cho trẻ Võ Trí V là: Bà Đặng Thị Tuyết H – Có đơn xin vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H và bà T: Ông Hồ Minh T. (Văn bản ủy quyền ngày 09/03/2021) – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì vụ án được tóm tắt có nội dung như sau:

Tại Đơn khởi kiện ngày 25/05/2020 và các bản tự khai, người khởi kiện là ông Võ Văn Trí N có đại diện theo ủy quyền là ông Hồ Minh T trình bày:

Vào năm 1998, được sự đồng ý và bố trí của Bí thư và Chủ tịch Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã P, huyện B, ông Võ Văn Trí N đã được phép xây cất căn nhà trên diện tích là $37m^2$; diện tích xây dựng là $35m^2$, tổng diện tích sàn xây dựng là $52,5m^2$; kết cấu cột bê tông cốt thép, tường gạch, sàn bê tông giả, mái tôn, tọa lạc tại thửa 39, tờ bản đồ số 63 (tài liệu BĐDC) ấp 2, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi xây cất căn nhà trên ông N đã thực hiện việc đóng thuế đất đầy đủ hàng năm cho nhà nước, sau đó ông N được cấp sổ nhà, việc cấp sổ nhà này đã được Chủ tịch UBND xã P là Trần Văn K lúc bấy giờ xác nhận vào ngày 18/12/2001. Cho đến năm 2008 thì căn nhà xuống cấp nên ông N đã có đơn xin phép sửa chữa và đã được sự đồng ý của Phó Chủ tịch UBND xã

P là ông Trần Ngọc V vào ngày 24/03/2008, sau đó cả nhà ông N sinh sống ổn định từ đó cho đến nay.

Tuy nhiên, vào ngày 01/11/2019, UBND xã P đã lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 90/BB-VPHC, xác định ông N đã có hành vi: *“Lấn, chiếm đất nông nghiệp không phải đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất thuộc thửa 39, tờ bản đồ số 63, theo tài liệu bản đồ địa chính cụ thể diện tích là 51.6m², kết cấu bê tông cốt thép, vách gạch, sàn bê tông, mái tôn, diện tích xây dựng là 35m², diện tích sàn là 52,5m², xây dựng khoảng năm 1998”*

Tiếp đó, vào ngày 06/11/2019, Chủ tịch UBND xã P ủy quyền cho Phó Chủ tịch ban hành Quyết định số 534/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính (viết tắt là Quyết định số 534/QĐ-XPVPHC ngày 06/11/2019) với lý do ông N đã có hành vi lấn chiếm đất công: phạt tiền 2.000.000 đồng và buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi bị lấn chiếm.

Đến ngày 26/11/2019, Chủ tịch UBND xã P ban hành Quyết định số 540/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (viết tắt là Quyết định số 540/QĐ-CCXP ngày 26/11/2019).

Ngày 14/02/2019, ông N khiếu nại yêu cầu UBND xã P thu hồi 2 Quyết định trên. Ngày 19/3/2020, Chủ tịch UBND xã P ban hành Quyết định số 43/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn Trí N (viết tắt là Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 19/3/2020) có nội dung bác toàn bộ nội dung khiếu nại của ông N, giữ nguyên 02 Quyết định trên.

Nay ông N khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 534/QĐ-XPVPHC ngày 06/11/2019 và Quyết định số 540/QĐ-CCXP ngày 26/11/2019 của Chủ tịch UBND xã P, lý do ông N cho rằng phần đất này ông được UBND xã P bố trí và cho phép xây nhà ở từ năm 1998 chứ không phải lấn chiếm.

Người bị kiện Chủ tịch UBND xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh có đại diện theo ủy quyền là ông Phùng Quốc V có văn bản trình bày:

Nguồn gốc đất khu đất có diện tích 37m² thuộc thửa số 39, tờ bản đồ số 62 (theo tài liệu BĐ ĐC) tương ứng thửa 495, tờ bản đồ số 6 (theo TL chính lý 1992) thuộc ấp 2, do UBND xã P quản lý sử dụng tại sổ mục kê, trang 102, diện tích 37m², loại đất: T. Vào năm 1998, nhà xuống cấp, UBND xã P tháo dỡ còn lại đất trống và bố trí cho ông Võ Văn Trí N (Công an viên xã P không có nhà ở) xây dựng ở tạm đến nay (không có giấy tờ giao hoặc cho). Sau đó ông N đã được cấp sổ nhà, việc cấp sổ nhà này đã được Chủ tịch UBND xã P là Trần Văn K lúc bấy giờ xác nhận vào ngày 18/12/2001. Đến năm 2008, ông N đăng ký

sửa chữa nhà ở (nâng nền, nâng mái) theo Phiếu đăng ký xây dựng công trình được Phó Chủ tịch UBND xã P (ông Trần Ngọc V) ký xác nhận ngày 24/3/2008.

Căn cứ Quyết định số 09/2007/QĐ-TTG ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước và căn cứ danh sách đất do các tổ chức, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp đang quản lý;

Ngày 28/3/2018, UBND xã P đã tiến hành làm việc với ông N đề nghị ông bàn giao và hoàn trả phần đất công lại cho cơ quan Nhà nước quản lý. Tại buổi làm việc, ông N đã khẳng định phần đất ông N đang sử dụng là đất công do Nhà nước quản lý và ông được UBND xã P bố trí sử dụng từ năm 1998 đến nay.

Ngày 19/9/2019, UBND xã P ban hành Thông báo số 3115/TB-UBND về việc đề nghị ông N di dời tài sản và bàn giao mặt bằng đối với phần đất do Nhà nước trực tiếp quản lý (thời gian di dời là 10 ngày). Tuy nhiên, sau thời gian 10 ngày, ông N không di dời tài sản và bàn giao mặt bằng đối với phần đất này cho UBND xã P.

Ngày 01/11/2019, UBND xã P lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 90/BB-VPHC tại địa chỉ thửa đất số 39, tờ bản đồ số 63 (BĐĐC) ấp 2, xã P, huyện B với nội dung ông N đã có hành vi “*Lấn, chiếm đất nông nghiệp không phải đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất thuộc thửa 39, tờ bản đồ số 63, theo tài liệu bản đồ địa chính cụ thể diện tích là 51.6m², kết cấu bê tông cốt thép, vách gạch, sàn bê tông, mái tôn, diện tích xây dựng là 35m², diện tích sàn là 52,5m², xây dựng khoảng năm 1998*” ;

Ngày 06/11/2019, Chủ tịch UBND xã P ban hành Quyết định số 534/QĐ-XPVPHC đối với ông N như sau: Phạt tiền 2.000.000 đồng và buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi bị lấn chiếm;

Ngày 26/11/2019, Chủ tịch UBND xã P ban hành Quyết định số 540/QĐ-CCXP về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông N trong thời hạn 15 ngày.

Ngày 14/02/2020, ông N khiếu nại yêu cầu UBND xã P yêu cầu thu hồi 02 quyết định trên.

Ngày 19/3/2020, Chủ tịch UBND xã P ban hành Quyết định số 43/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông N đối với 02 quyết định nói trên và bác toàn bộ nội dung khiếu nại của ông N và giữ nguyên 02 quyết định.

Vì vậy, nay Chủ tịch UBND xã P đề nghị Tòa án nhân dân huyện B xét xử bác đơn khởi kiện của ông N đồng thời, giữ nguyên các quyết định đã ban hành nói trên.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị Tuyết H, bà Võ Đặng Quỳnh T, có ông Hồ Minh T làm đại diện theo ủy quyền trình bày và trẻ Võ Trí V (có đại diện hợp pháp là bà Đặng Thị Tuyết H) có yêu cầu giống với yêu cầu của người khởi kiện như sau:

- Bà Đặng Thị Tuyết H là vợ của ông Võ Văn Trí N trình bày như sau: Vào năm 1998, sau khi được UBND xã P bố trí và cho phép, vợ chồng bà H và ông N đã cùng nhau bỏ tiền ra xây cất ngôi nhà trên, đến năm 2008 cũng đã cùng nhau bỏ tiền ra sửa chữa xây dựng lại căn nhà trên. Vì vậy việc Chủ tịch UBND xã P ban hành Biên bản xử phạt vi phạm hành chính, Quyết định số 534/QĐ-XPVPHC ngày 06/11/2019 và Quyết định số 540/D-CCXP ngày 26/11/2019 đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà, chưa xét đến công sức đóng góp của bà. Nên bà H không đồng ý với các Quyết định trên và cùng có ý kiến như người khởi kiện là ông N .

- Bà Võ Đặng Quỳnh T và trẻ Võ Trí V (có đại diện hợp pháp là bà Đặng Thị Tuyết H) trình bày: Thống nhất với yêu cầu của người khởi kiện là ông Võ Văn Trí N về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 534/QĐ-XPVPHC ngày 06/11/2019 và Quyết định số 540/D-CCXP ngày 26/11/2019.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 11/2021/HC-ST ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử:

“Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Trí N:

1.1 Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 534/QĐ-XPVPHC ngày 06/11/2019 của phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh;

1.2 Hủy Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 540/QĐ-XPVPHC ngày 26/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy Quyết định về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn Trí N số 43/QĐ-UBND ngày 19/03/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.”

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/5/2021, Người bị kiện nhận được bản án, đến ngày 10/6/2021 Người bị kiện: Chủ tịch UBND xã P, huyện B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 11/2021/HC-ST ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh với những nội dung yêu cầu hủy án sơ thẩm, giữ nguyên Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 534/QĐ-XPVPHC ngày 06/11/2019 và Quyết định số 540/QĐ-XPVPHC ngày 26/11/2019.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo là ông Huỳnh Công M trình bày:

-Đề nghị sửa án sơ thẩm, xử bác đơn khởi kiện của ông N .

-Không đồng ý với nhận định của Tòa án nhân dân huyện B về thời hiệu xử phạt vì tuy trước đây UBND xã có cho ông N mượn đất để sử dụng tạm nhưng từ ngày 19/9/2019, UBND xã P ban hành Thông báo số 3115/TB-UBND về việc đề nghị ông N di dời tài sản và bàn giao mặt bằng đối với phần đất do Nhà nước trực tiếp quản lý (thời gian di dời là 10 ngày nhưng ông N không thực hiện. Do vậy, từ sau ngày 29/9/2019 thì hành vi sử dụng đất của ông N là hành vi lấn chiếm đất nên không thể áp dụng thủ tục thu hồi đất đối với ông N . Việc xử phạt vi phạm hành chính và buộc ông N áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là đúng pháp luật

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Hồ Minh T trình bày: Đề nghị y án sơ thẩm, bác đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc ban hành, tổng đạt thông báo thụ lý phúc thẩm, Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, việc tuân theo pháp luật của đương sự, Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong giai đoạn phúc thẩm thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến tranh luận của các đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án hành chính ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Người bị kiện nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định, nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn qui định tại Điều 206 và Điều 209 Luật Tố tụng hành chính nên kháng cáo là hợp lệ và được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2]. Quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng, thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng.

[1.3]. Về sự có mặt của đương sự.

Người kháng cáo có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ vào quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của đương sự.

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 534/QĐ-XPVPHC ngày 06/11/2019 và Quyết định số 540/QĐ-CCXP ngày 26/11/2019 cùng của Chủ tịch UBND xã P, huyện B.

Người kháng cáo yêu cầu: Yêu cầu sửa án sơ thẩm, giữ nguyên các quyết định hành chính bị khởi kiện.

[3]. Xét kháng cáo của đương sự.

[3.1]. Xét việc xác định hành vi vi phạm pháp luật khi ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 534/QĐ-XPVPHC ngày 06/11/2019 của Chủ tịch UBND xã P.

[3.1.1]. Ngày 01/11/2019, UBND xã P đã lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 90/BB-VPHC, xác định ông N đã có hành vi:

*“**Lấn, chiếm** đất nông nghiệp không phải đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất thuộc thửa 39, tờ bản đồ số 63, theo tài liệu bản đồ địa chính cụ thể diện tích là 51.6m², kết cấu bê tông cốt thép, vách gạch, sàn bê tông, mái tôn, diện tích xây dựng là 35m², diện tích sàn là 52,5m², xây dựng khoảng năm 1998.*

3. Quy định tại khoản 1, Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ;”

Xét thấy, tại Điều 3 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP “Về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai” ngày 10/11/2014 của Chính phủ (viết tắt Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014) qui định:

“1. Lấn đất là việc người đang sử dụng đất tự chuyển dịch mốc giới hoặc ranh giới thửa đất để mở rộng diện tích đất.

2. Chiếm đất là việc sử dụng đất mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoặc việc sử dụng đất do được Nhà nước giao, cho thuê nhưng

hết thời hạn giao, cho thuê đất không được Nhà nước gia hạn sử dụng mà không trả lại đất hoặc sử dụng đất khi chưa thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.”

Như vậy, Nghị định đã quy định rõ hành vi lấn đất, hành vi chiếm đất là 2 hành vi vi phạm pháp luật khác nhau nhưng Biên bản vi phạm hành chính không xác định rõ diện tích đất, công trình trên phần đất bị lấn, bị chiếm là bao nhiêu là chưa đảm bảo tính chính xác của từng hành vi vi phạm.

[3.1.2].Đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 534/QĐ-XPVPHC ngày 06/11/2019.

Xét về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

Bên cạnh đó.

-Tại Điều 1 Quyết định có nội dung:

*“2.Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: **Lấn chiếm** đất nông nghiệp không phải đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất thuộc thửa 39, tờ bản đồ số 63...*

3.Quy định tại khoản 1, Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ;”

Hội đồng xét xử nhận thấy tại Điều 3 và khoản 1 Điều 10 Nghị định số 102/NĐ-CP của Chính phủ không qui định hành vi “**lấn chiếm**” đất do vậy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 534/QĐ-XPVPHC ngày 06/11/2019 đã xử phạt ông Võ Văn Trí N về 1 hành vi không qui định trong Nghị định.

[3.2].Xét quá trình sử dụng đất của gia đình ông Võ Văn Trí N.

[3.2.1].Hồ sơ vụ án thể hiện: Nguồn gốc khu đất có diện tích 37m² thuộc thửa số 39, tờ bản đồ số 62 (theo tài liệu BĐĐC) tương ứng thửa 495, tờ bản đồ số 6 (theo TL chỉnh lý 1992) thuộc ấp 2, do UBND xã P quản lý sử dụng tại sổ mục kê, trang 102, diện tích 37m², loại đất: T. Vào năm 1998, nhà xuống cấp, UBND xã P tháo dỡ còn lại đất trống và bố trí cho ông N (Công an viên xã P không có nhà ở) xây dựng ở tạm đến nay (không có giấy tờ giao hoặc cho). Sau đó ông N đã được cấp sổ nhà, việc cấp sổ nhà này đã được Chủ tịch UBND xã P là Trần Văn K lúc bấy giờ xác nhận vào ngày 18/12/2001. Đến năm 2008, ông N đăng ký sửa chữa nhà ở (nâng nền, nâng mái) theo Phiếu đăng ký xây dựng công trình được Phó Chủ tịch UBND xã P (ông Trần Ngọc V) ký xác nhận ngày 24/3/2008.

Tại điểm a khoản 11 Mục I Thông tư 278/1997/TT-ĐC ngày 07/3/1997 của Tổng cục Địa chính “Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 04/CP ngày

10/1/1997 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai” qui định: “a. Hành vi lấn, chiếm đất (nói tại Điều 2): Việc tự tiện chuyển dịch mốc giới sang đất công cộng hoặc đất của người khác để mở rộng phạm vi đất của mình thì gọi là hành vi lấn đất. Đất do Nhà nước tạm giao hoặc mượn đất trong thời gian thi công công trình rồi không trả lại đất và việc sử dụng đất công cộng đất của người khác mà không được pháp luật cho phép thì gọi là hành vi chiếm đất.”

Như vậy, việc sử dụng đất của gia đình ông N vào năm 1998 là do được UBND xã giao, sử dụng công khai, liên tục cho đến nay, ông N không có hành vi lấn, chiếm đất.

[3.2.2].Tuy nhiên, theo quy định khoản 3 Điều 23 Luật Đất đai năm 1993 (được sửa đổi bổ sung Khoản 5 Điều 1 năm 2001) (tương ứng Điều 37 Luật Đất đai năm 2003 và Điều 59 Luật Đất đai năm 2013) thì không quy định UBND cấp xã có thẩm quyền giao đất.

Bên cạnh đó, khoản 1 Điều 23 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về “Quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai” của Chính phủ đã quy định: “Đất giao không đúng thẩm quyền cho hộ gia đình, cá nhân quy định tại Điều này bao gồm các trường hợp người đứng đầu điểm dân cư giao đất hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã giao đất không đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ; tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng nhưng đã tự phân phối, bố trí cho cán bộ, công N viên, xã viên để sử dụng làm nhà ở và các mục đích khác”

Việc UBND xã P cho ông N mượn đất để sử dụng làm nhà ở vào năm 1998 là việc giao đất không đúng thẩm quyền không thuộc trường hợp xử phạt vi phạm hành chính mà thuộc trường hợp thu hồi đất theo quy định tại Khoản 6 Điều 26 Luật đất đai năm 1993 (tương ứng khoản 5 Điều 38 Luật đất đai năm 2003 và khoản 1 Điều 64 Luật đất đai năm 2013).

[3.2.3].Theo quy định tại Điều 66 Luật Đất đai năm 2013 thì thẩm quyền thu hồi đất (nếu phải thu hồi đất) thuộc về UBND cấp huyện.

Trình tự, thủ tục thu hồi đất được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai và Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về “Quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai”.

[3.3].Từ những phân tích trên có cơ sở xác định Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 534/QĐ-XPVPHC ngày 06/11/2019 của Chủ tịch UBND xã P là trái pháp luật, cần hủy quyết định này.

[4].Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 540/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Căn cứ để ban hành Quyết định số 540/QĐ-CCXP là để đảm bảo thi hành Quyết định số 534/QĐ-XPVPHC ngày 06/11/2019. Tuy nhiên, Quyết định số 534/QĐ-XPVPHC ngày 06/11/2019 đã bị hủy nên Quyết định số 540/QĐ-CCXP cũng bị hủy.

[5]. Mặc dù ông N không yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 19/03/2020 của Chủ tịch UBND xã P về việc giải quyết khiếu nại của ông N (lần đầu) có nội dung *“Công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 534/QĐ-XPVPHC ngày 06/11/2019 của Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P về việc xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định 540/QĐ-XPVPHC ngày 26/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P về việc cưỡng chế buộc khắc phục hậu quả”*

Để giải quyết toàn diện vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Điều 6, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính hủy quyết định trên là có cơ sở.

[6].Tại phiên tòa phúc thẩm Chủ tịch UBND xã P không đưa ra được chứng cứ mới để chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND xã P. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[7].Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp quan điểm Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8].Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

-Khoản 1 Điều 241 và Điều 242 Luật Tổ tụng Hành chính.

-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 11/2021/HC-ST ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

“Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Trí N:

1.1. Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 534/QĐ-XPVPHC ngày 06/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh;

1.2. Hủy Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 540/QĐ-XPVPHC ngày 26/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Hủy Quyết định về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn Trí N số 43/QĐ-UBND ngày 19/03/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.”

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Hoàn lại cho ông N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0079568 ngày 22/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chuyển số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0081552 ngày 17/6/2021 sang thành tiền án phí. Đương sự đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

4. Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- TAND huyện B, TP.HCM;
- Cục Thi hành án Dân sự TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện B, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Bảo Nguyên